

CHÍNH PHỦ
Số: /2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo Nghị định
xin ý kiến thẩm định

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 1/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính 15/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 3 Điều 1

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"11. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, **xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử** trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa).".

2. Bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung

một số điều bởi Luật số 88/2025/QH15 năm 2025, các Điều 28a và 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP."

Điều 2. Sửa đổi đề khoản 2; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2; bổ sung điểm a1 sau điểm a khoản 2 Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 Điều 2 như sau:

"2. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và sự kiện bất khả kháng; tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung cụ thể sau đây:"

2. Sửa đổi, bổ sung các điểm a khoản 2 Điều 2 như sau:

"a) Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng: giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; quyết định chứng nhận chuẩn đo lường để kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo; quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo; giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn; giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch; giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng; giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; các giấy theo quy định tại điểm này trên môi trường điện tử."

3. Bổ sung điểm a1 sau điểm a khoản 2 như sau:

"a1) Thu hồi: giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận, thử nghiệm, giám định, kiểm định); quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, thử nghiệm, giám định, kiểm định); giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận; thẻ kiểm định viên đo lường;"

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

"1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đo lường đối với cá nhân là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức là 200.000.000 đồng; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với cá nhân là 150.000.000 đồng, đối với tổ chức là 300.000.000 đồng, trừ các trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g và h khoản 2 Điều 14; các điểm đ, e, g và h khoản 2 Điều 15; các điểm

đ, e, g và h khoản 2 Điều 16; các khoản 3 và 4 Điều 17; khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 19 và các khoản 5, 6 và 7 Điều 20 của Nghị định này **thì mức phạt tiền tối đa thực hiện tương ứng theo quy định tại khoản 5 Điều 52 Luật Đo lường, khoản 3 Điều 66 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa."**

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5; bổ sung khoản 6a sau khoản 6; bổ sung các điểm a1, a2 và điểm a3 sau điểm a và bổ sung điểm d khoản 7 Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Phạt tiền từ 01 lần đến 02 lần giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Phạt tiền từ 02 lần đến 03 lần giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa đã công bố tiêu chuẩn áp dụng, nhưng tiêu chuẩn công bố áp dụng có nội dung trái với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền."

3. Bổ sung khoản 6a sau khoản 6 như sau:

"6a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1b và khoản 1c Điều này trong trường hợp vi phạm có tổ chức hoặc tái phạm."

4. Bổ sung các điểm a1, a2 và điểm a3 sau điểm a, điểm d khoản 7 như sau:

"a1) Buộc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 1a Điều này;

a2) Buộc công bố lại hoặc sửa đổi thông tin công bố sai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1a, điểm c khoản 1c Điều này;

a3) Buộc khôi phục, cập nhật, lưu trữ đầy đủ dữ liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 1a, điểm a, điểm c, điểm d khoản 1b; điểm a, điểm c khoản 1c Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này."

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Phạt tiền từ 01 lần đến 02 lần tổng giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có chất lượng không phù hợp với hồ sơ công bố hợp chuẩn."

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

"4. Phạt tiền từ 02 lần đến 03 lần giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, tiêu đề khoản 6, khoản 7 Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Phạt tiền từ 01 lần đến 02 lần tổng giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi bán hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng đã công bố hợp chuẩn."

2. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 6 như sau:

"6. Phạt tiền từ 02 lần đến 03 lần giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với một trong các hành vi sau đây:"

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Phạt tiền từ 03 lần đến 05 lần giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đối với hành vi thay thế, đánh tráo, thêm, bớt thành phần hoặc chất phụ gia, pha trộn tạp chất hoặc có chất mất an toàn cho người, động vật, thủy sản nuôi, tài sản, cây trồng và môi trường làm chất lượng sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền."

Điều 8. Bổ sung các Điều 20a, 20b và Điều 20c sau Điều 20

1. Bổ sung các Điều 20a như sau:

"Điều 20a. Vi phạm quy định về truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân bán hàng hàng hóa có mức độ rủi ro cao như sau:

a) Bán hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo quy định phải có truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định nhưng không có thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa theo quy định hoặc có thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa không đúng quy định;

b) Bán hàng hóa có mức độ rủi ro cao có truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng;

c) Bán hàng hóa có mức độ rủi ro cao có truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhưng không chuyển tiếp hoặc che giấu hoặc cung cấp không kịp thời thông tin cảnh báo rủi ro, cảnh báo chất lượng;

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi của tổ chức, cá nhân sản xuất và nhập khẩu hàng hóa có mức độ rủi ro cao như sau:

a) Không thiết lập, vận hành, cập nhật, duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo quy định của pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa có mức độ rủi ro cao nhưng không bảo đảm đầy đủ thông tin theo quy định tối thiểu theo quy định hoặc cung cấp thông tin truy xuất không đầy đủ, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn;

c) Không lưu giữ, không xuất trình hoặc không chia sẻ dữ liệu truy xuất theo quy định; Che giấu, trì hoãn hoặc cản trở cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra, xác minh dữ liệu truy xuất;

d) Không chuyển tiếp, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin cảnh báo rủi ro;

đ) Sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch hoặc che giấu dữ liệu truy xuất nguồn gốc; Giả mạo hoặc hủy bỏ dữ liệu truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa có mức độ rủi ro cao.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc công khai và cung cấp thông tin truy xuất đúng sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc thiết lập, cập nhật và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc lưu giữ, xuất trình, chia sẻ dữ liệu truy xuất theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Buộc chuyển tiếp, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin cảnh báo rủi ro đối với hành vi vi phạm quy định tại d khoản 2 Điều này;

e) Buộc thực hiện đúng thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa đối với hành vi vi phạm quy định tại đ khoản 2 Điều này."

2. Bổ sung các Điều 20b như sau:

"Điều 20b. Vi phạm về hộ chiếu số sản phẩm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thiết lập hộ chiếu số đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng phải thiết lập theo quy định của pháp luật;

b) Thiết lập hộ chiếu số của sản phẩm không đầy đủ nội dung bắt buộc, không đúng định dạng, không đúng quy định về cập nhật và thể hiện thông tin chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, mã số, mã vạch hoặc truy xuất nguồn gốc;

c) Không cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ, không kịp thời thông tin

trong hệ chiếu số của sản phẩm theo nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, lưu thông hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn, che giấu hoặc không trung thực về chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật hoặc mức độ rủi ro của sản phẩm trong hệ chiếu số;

b) Tẩy xóa, sửa đổi, làm sai lệch hoặc làm giả thông tin của hệ chiếu số của sản phẩm;

c) Sử dụng hệ chiếu số nhằm hợp thức hóa sản phẩm không rõ nguồn gốc, không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc sản phẩm đã được cảnh báo, yêu cầu thu hồi.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp, không cho phép truy cập hoặc không chia sẻ thông tin hệ chiếu số của sản phẩm cho tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Không bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu của hệ chiếu số dẫn đến lộ lọt, mất mát hoặc thay đổi thông tin;

c) Không bảo đảm tính xác thực, khả năng truy cập, khả năng đối chiếu hoặc khả năng xác minh thông tin trong hệ chiếu số của sản phẩm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận hợp chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy tiếp nhận công bố hợp quy đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để làm giả, sửa đổi hoặc làm sai lệch thông tin hệ chiếu số của sản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thiết lập, bổ sung hoặc cập nhật đầy đủ thông tin trong hệ chiếu số của sản phẩm theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc cải chính, khôi phục hoặc trả lại đúng thông tin của hệ chiếu số đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc khôi phục hệ thống bảo mật, bảo đảm an toàn dữ liệu hệ chiếu số đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc thu hồi hoặc xử lý sản phẩm, hàng hóa có hệ chiếu số bị làm giả, làm sai lệch hoặc cung cấp thông tin không trung thực theo quy định của pháp luật."

3. Bổ sung các Điều 20c như sau:

"Điều 20c. vi phạm quy định về nhãn điện tử

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gắn nhãn điện tử đối với hàng hóa thuộc trường hợp phải ghi nhãn bằng nhãn điện tử theo quy định;

b) Thiết lập nhãn điện tử không đúng quy định về nội dung, hình thức hiển thị, cấu trúc dữ liệu hoặc không bảo đảm khả năng truy cập, quét hoặc đọc thông tin theo yêu cầu của pháp luật;

c) Nhãn điện tử thiếu một hoặc một số nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa và quy định tại Điều 28, Điều 34 và Điều 34a của Luật, gồm: tên hàng hóa, xuất xứ, tổ chức/cá nhân chịu trách nhiệm, cảnh báo an toàn (nếu có), tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật hoặc thông tin truy xuất nguồn gốc.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ, không chính xác hoặc không kịp thời thông tin trên nhãn điện tử theo nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, lưu thông hàng hóa;

b) Gắn nhãn điện tử nhưng liên kết đến dữ liệu không tồn tại, không truy cập được, không khớp với thông tin của hàng hóa thực tế hoặc không đồng bộ với thông tin truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch hoặc hệ thống dữ liệu chất lượng theo quy định;

c) Không bảo đảm tính sẵn sàng, khả năng truy cập, khả năng kiểm tra hoặc khả năng đối chiếu thông tin trên nhãn điện tử bằng phương tiện phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn về chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tính năng hoặc đặc tính an toàn của sản phẩm trên nhãn điện tử theo quy định;

b) Tẩy xóa, sửa đổi, làm sai lệch, làm giả hoặc can thiệp trái phép vào thông tin trong nhãn điện tử;

c) Sử dụng nhãn điện tử để hợp thức hóa sản phẩm không rõ nguồn gốc, sản phẩm giả mạo, sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật hoặc đang thuộc diện cảnh báo, thu hồi theo quy định của pháp luật;

d) Không bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu của nhãn điện tử theo quy định, dẫn đến rò rỉ, mất mát hoặc thay đổi trái phép dữ liệu.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để làm giả hoặc làm sai lệch thông tin nhãn điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thiết lập, bổ sung hoặc cập nhật đầy đủ thông tin nhãn điện tử theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc cải chính, khôi phục hoặc trả lại đúng thông tin nhãn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc áp dụng biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật dữ liệu nhãn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

d) Buộc thu hồi hoặc xử lý sản phẩm, hàng hóa sử dụng nhãn điện tử giả, sai lệch hoặc không trung thực theo quy định của pháp luật."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 34; sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 2a sau khoản 2; sửa đổi, bổ sung các khoản 3, khoản 4 Điều 34

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 34 như sau:

"Điều 34. Thẩm quyền của người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập; Trưởng đoàn kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có quyền Quốc gia thành lập; Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

3. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau:

"2a. Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình

chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 35

Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"Điều 35. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 36

Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

"Điều 36. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

6. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng An ninh Công giáo, Trưởng phòng An ninh tôn giáo khác, Trưởng phòng An ninh dân tộc, Trưởng phòng Chống phản động, Trưởng phòng Chống khủng bố, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng Bảo vệ nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước Trung ương, Trưởng phòng An ninh các cơ quan tư pháp, xây dựng pháp luật, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản, Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục, Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội, Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy gồm: Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều

tra tội phạm lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng Quản trị ứng dụng, Trưởng phòng Quản trị dữ liệu, Trưởng phòng An ninh, an toàn hệ thống, Trưởng phòng Quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản trị, vận hành vô trạm trung tâm dữ liệu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Hồ sơ nghiệp vụ gồm: Giám đốc Trung tâm Thông tin, dữ liệu nghiệp vụ Bộ Công an, Giám đốc Trung tâm Tiếp nhận, xử lý thông tin nghiệp vụ, Trưởng phòng Tin học và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ nghiệp vụ; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế,

Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trưởng phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

7. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

8. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
- e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

9. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc

đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

10. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 9 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất."

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 37

Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

"Điều 37. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 38

Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

"Điều 38. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.
2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.
3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 39

Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa quy định khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 40

Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"Điều 40. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa quy định tại tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 41

Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"Điều 41. Thẩm quyền của người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành khác

1. Thanh tra viên các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra viên Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt

quá 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này.

2. Trưởng đoàn thanh tra của các cơ quan: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước khu vực, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ; Trưởng đoàn thanh tra cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Cơ yếu; Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu; Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 2 Nghị định này."

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 42; sửa đổi, bổ sung khoản 1; bổ sung khoản 9 Điều 42

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 42 như sau:

"Điều 42. Phân định thẩm quyền của Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khác"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Người có thẩm quyền xử phạt của kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao."

3. Bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Việc xác định thẩm quyền xử phạt và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong một số trường hợp thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính".

Điều 18. Bãi bỏ một số điều, khoản

1. Bãi bỏ Điều 27, Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ, các chất ăn mòn.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 34.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 20 .

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đơn, hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền đó tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ đó.

2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng

theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được cấp lại, hủy bỏ, chấm dứt bởi cơ quan, người có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG